



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 26



BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 7976/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002074 ngày 30/01/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (đã điều chỉnh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với số đăng ký mới là 0303171300), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 09/05/2022.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 213/QĐ-SGDHN ngày 26/04/2018 với mã chứng khoán là SAP.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 240 Trần Bình Trọng, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84) 028.38353171
- Fax: (84) 028.38352027
- Website: www.sapco.com.vn

Ngành nghề kinh doanh

- In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm: giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm khác;
- Mua bán vật tư thiết bị kỹ thuật ngành in.

Nhân sự

Tổng số cán bộ công nhân viên hiện có đến thời điểm 31/12/2022 là 36 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 7 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-----------------------|------------|--|
| • Ông Huỳnh Nhân Quý | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 22/04/2022 |
| • Ông Nguyễn Thanh Sử | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 25/04/2019
Từ nhiệm ngày 22/04/2022 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 25/04/2019 |
| • Ông Trần Văn Hưng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29/04/2021 |

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- | | | |
|-----------------------|------------|--|
| • Ông Lâm Drachan | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22/04/2022 |
| • Ông Nguyễn Đức Toàn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22/04/2022 |
| • Ông Trần Tấn Tâm | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25/04/2019
Từ nhiệm ngày 22/04/2022 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Lê Văn Huyền | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 25/04/2019 |
| • Bà Hoàng Ngọc Mai Khanh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25/04/2019 |
| • Bà Bùi Thị Ánh Tuyết | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 25/04/2019 |

Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------------------|----------------|--|
| • Ông Lâm Drachan | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 22/04/2022 |
| • Ông Huỳnh Nhân Quý | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15/03/2021
Miễn nhiệm ngày 22/04/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Ngọc Cúc | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 22/04/2022 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lâm Drachan

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2023



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 497/2023/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc
Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 25/03/2023 của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Như trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 17, vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 26.100.000.000 đồng. Tuy nhiên, cho đến thời điểm 31/12/2022, vốn góp thực tế của các cổ đông là 12.869.840.000 đồng. Đại hội cổ đông bất thường dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 09/09/2022 đã thông qua việc điều chỉnh giảm vốn điều lệ đã đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thành vốn thực góp. Hiện nay, Công ty đang làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh để được hướng dẫn về thủ tục giảm vốn theo số thực góp.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thị Ngọc Viễn - Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4868-2019-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.886.542.245	1.701.872.071
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.423.091.876	571.981.259
1. Tiền	111	5	423.091.876	571.981.259
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	1.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.340.413	541.363.143
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	80.656.353	616.679.083
2. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(75.315.940)	(75.315.940)
IV. Hàng tồn kho	140	8	458.109.956	588.527.669
1. Hàng tồn kho	141		458.109.956	588.527.669
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.371.068.788	8.661.381.742
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		202.838.718	202.838.718
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	202.838.718	202.838.718
II. Tài sản cố định	220		70.271.096	105.406.676
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	70.271.096	105.406.676
- Nguyên giá	222		16.954.334.699	16.954.334.699
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.884.063.603)	(16.848.928.023)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.186.677.683	1.186.677.683
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	1.186.677.683	1.186.677.683
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.911.281.291	7.166.458.665
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	6.911.281.291	7.166.458.665
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		10.257.611.033	10.363.253.813

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.526.440.512	3.325.508.296
I. Nợ ngắn hạn	310		1.867.762.829	1.988.830.613
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	263.400.557	359.284.701
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	53.117.885	128.913.439
3. Phải trả người lao động	314		260.399.437	226.599.795
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	275.679.564	247.666.303
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16.a	70.768.212	87.153.386
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	998.568.036	993.383.851
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(54.170.862)	(54.170.862)
II. Nợ dài hạn	330		1.658.677.683	1.336.677.683
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	16.b	1.658.677.683	1.336.677.683
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.731.170.521	7.037.745.517
I. Vốn chủ sở hữu	410		6.731.170.521	7.037.745.517
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	12.869.840.000	12.869.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.869.840.000	12.869.840.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	106.664.672	106.664.672
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	18	29.714.294	29.714.294
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	(6.275.048.445)	(5.968.473.449)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(5.968.473.449)	(5.374.393.161)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(306.574.996)	(594.080.288)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		10.257.611.033	10.363.253.813



Lâm Drachan

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	7.737.713.632	6.825.493.935
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		7.737.713.632	6.825.493.935
4. Giá vốn hàng bán	11	21	6.054.098.171	4.883.709.731
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>1.683.615.461</u>	<u>1.941.784.204</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	28.495.101	1.661.000
7. Chi phí tài chính	22	23	88.568.634	71.885.372
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		88.568.634	71.885.372
8. Chi phí bán hàng	25	24.a	208.820.378	203.674.390
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24.b	1.829.118.080	1.857.593.848
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>(414.396.530)</u>	<u>(189.708.406)</u>
11. Thu nhập khác	31	25	107.954.021	193.051.636
12. Chi phí khác	32		132.487	597.423.518
13. Lợi nhuận khác	40		<u>107.821.534</u>	<u>(404.371.882)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>(306.574.996)</u>	<u>(594.080.288)</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>(306.574.996)</u>	<u>(594.080.288)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(238)	(462)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	(238)	(462)



Lâm Drachan

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	8.147.018.613	7.207.108.668
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(2.570.647.196)	(2.499.733.441)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.494.518.277)	(3.879.312.875)
4. Tiền lãi vay đã trả	04 23, 15	(84.010.220)	(72.768.536)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.348.710.532	814.428.138
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.529.122.121)	(1.661.034.855)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	817.431.331	(91.312.901)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	192.683.636
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27 22	28.495.101	1.661.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	28.495.101	194.344.636
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33 17	3.579.157.232	2.382.834.183
2. Tiền trả nợ gốc vay	34 17	(3.573.973.047)	(2.380.586.483)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.184.185	2.247.700
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	851.110.617	105.279.435
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 5, 6	571.981.259	466.701.824
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 5, 6	1.423.091.876	571.981.259



Giám đốc
Lâm Drachan

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 7976/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002074 ngày 30/01/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (đã điều chỉnh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với số đăng ký mới là 0303171300), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 09/05/2022.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 213/QĐ-SGDHN ngày 26/04/2018 với mã chứng khoán là SAP.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: in ấn sách, báo, tạp chí,...

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm: giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm khác;
- Mua bán vật tư thiết bị kỹ thuật ngành in.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc, thiết bị	Hết khấu hao
Thiết bị dụng cụ quản lý	Hết khấu hao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (47 năm);
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.6 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.7 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.9 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.10 *Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác*

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.11 *Giá vốn hàng bán*

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.12 *Chi phí tài chính*

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.13 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và các khoản phải thu khách hàng.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động in ấn. Các hoạt động khác áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
Từ ngày 01/02/2022 đến ngày 31/12/2022, Công ty được giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với một số mặt hàng được quy định tại Nghị quyết 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	28.632.821	18.199.084
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	394.459.055	553.782.175
Cộng	423.091.876	571.981.259

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng	1.000.000.000	-
Cộng	1.000.000.000	-

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	-	419.038.998
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	100.324.145
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại - Dịch vụ Vạn An	75.315.940	75.315.940
Các khoản phải thu khác	5.340.413	22.000.000
Cộng	80.656.353	616.679.083

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2022	01/01/2022
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư	-	419.038.998
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư	-	100.324.145

8. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	458.109.956	-	370.349.848	-
Chi phí SX, KD dở dang	-	-	65.940.370	-
Thành phẩm	-	-	152.237.451	-
Cộng	458.109.956	-	588.527.669	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Tại 31/12/2022 không có hàng tồn kho kém phẩm chất, ứ đọng.
- Tại 31/12/2022 không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ.

9. Phải thu khác dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Cổ tức năm 2013 chi vượt	202.838.718	-	202.838.718	-
Cộng	202.838.718	-	202.838.718	-

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐTN2022 ngày 22/04/2022, số cổ tức chi vượt này sẽ được xử lý từ nguồn Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi đã trích quỹ và bù trừ lỗ các năm trước.

Tại thời điểm 31/12/2022, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty có số dư âm nên chưa bù đắp được khoản cổ tức chi vượt này.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.707.961.422	15.214.848.277	31.525.000	16.954.334.699
Mua sắm trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	1.707.961.422	15.214.848.277	31.525.000	16.954.334.699
Khấu hao				
Số đầu năm	1.602.554.746	15.214.848.277	31.525.000	16.848.928.023
Khấu hao trong năm	35.135.580	-	-	35.135.580
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	1.637.690.326	15.214.848.277	31.525.000	16.884.063.603
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	105.406.676	-	-	105.406.676
Số cuối năm	70.271.096	-	-	70.271.096

- Tại ngày 31/12/2022 TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay có giá trị nguyên giá: 9.101.249.762 đồng và đã hết khấu hao.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 16.251.623.070 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022	01/01/2022
Nhà máy in Sách Giáo khoa tại khu CN Cát Lái (*)	1.186.677.683	1.186.677.683
Cộng	1.186.677.683	1.186.677.683

(*) Xem nội dung tại Thuyết minh số 16 và Thuyết minh số 30.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí thuê đất tại Cát Lái (*)	6.772.274.354	7.077.931.265
Chi phí sửa chữa	139.006.937	88.527.400
Cộng	6.911.281.291	7.166.458.665

(*) Đây là chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp Cát Lái, cụm II, Quận 2, TP Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê là 47 năm (từ năm 2006 đến năm 2053). Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán chi phí thuê đất này cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP In & Vật tư Sài Gòn	59.862.000	112.742.800
Công ty TNHH Lưu Nguyễn Tâm	31.204.217	51.785.342
CN Công ty TNHH MTV NXB Giao thông Vận tải	43.329.867	51.480.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quyền Chân	22.035.000	-
Các đối tượng khác	106.969.473	143.276.559
Cộng	263.400.557	359.284.701

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	116.127.436	188.823.437	257.211.134	-	47.739.739
Thuế thu nhập cá nhân	-	12.786.003	26.102.021	33.509.878	-	5.378.146
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	784.802.423	784.802.423	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	128.913.439	1.002.727.881	1.078.523.435	-	53.117.885

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Lãi phải trả về vi phạm hợp đồng	234.960.000	234.960.000
Trích trước lãi phạt chậm nộp tiền thuê đất	8.892.058	8.892.058
Trích trước chi phí lãi vay	8.372.659	3.814.245
Trích trước tiền mua đường, sửa phụ cấp độc hại	7.453.429	-
Trích trước chi phí điện, nước	16.001.418	-
Cộng	275.679.564	247.666.303

16. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Kinh phí công đoàn	3.496.536	44.048.160
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	8.808.734
Phải trả người lao động về NVL tiết kiệm được	35.668.461	4.609.077
Nhận ký quỹ, ký cược	30.000.000	5.000.000
Phải trả khác	1.603.215	24.687.415
Cộng	70.768.212	87.153.386

b. Dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh (*)	1.186.677.683	1.186.677.683
Nhận ký quỹ, ký cược	472.000.000	150.000.000
Cộng	1.658.677.683	1.336.677.683

(*) Đây là khoản tiền Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (NXB Thành phố) góp vốn đầu tư xây dựng công trình Nhà máy in Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh tại Khu công nghiệp Cát Lái theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 57/HĐHTKD ngày 08/07/2008 giữa Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh và NXB Thành phố. Tuy nhiên, dự án này không tiếp tục triển khai, hai bên đã thanh lý hợp đồng. Theo đó, số tiền NXB Thành phố góp vào xây dựng dự án là 1.186.677.683 đồng thống nhất bảo lưu. Công ty có trách nhiệm chuyển nhượng Dự án và hoàn lại cho NXB Thành phố sau khi Dự án được triển khai tiếp tục.

Trong đó: Phải trả khác là bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2022	01/01/2022
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư	1.186.677.683	1.186.677.683
Cộng		1.186.677.683	1.186.677.683

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sài Gòn	993.383.851	3.579.157.232	3.573.973.047	998.568.036
Cộng	993.383.851	3.579.157.232	3.573.973.047	998.568.036

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 01/2022/573003/HĐTD ngày 29/06/2022. Theo đó, thời gian vay theo từng lần nhận nợ không quá 6 tháng, lãi suất được quy định theo từng khung ước nhận nợ từng thời điểm. Mục đích vay nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là Máy in Offset 5 màu Komori Lithrone L540, Máy in Offset 4 màu Komori Lithrone L440 và Máy in tờ rời 2 màu PZ21010-01 đã hết khấu hao.

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2021	12.869.840.000	106.664.672	29.714.294	(5.374.393.161)	7.631.825.805
Tăng trong năm	-	-	-	(594.080.288)	(594.080.288)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	<u>12.869.840.000</u>	<u>106.664.672</u>	<u>29.714.294</u>	<u>(5.968.473.449)</u>	<u>7.037.745.517</u>
Số dư tại 01/01/2022	12.869.840.000	106.664.672	29.714.294	(5.968.473.449)	7.037.745.517
Tăng trong năm	-	-	-	(306.574.996)	(306.574.996)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	<u>12.869.840.000</u>	<u>106.664.672</u>	<u>29.714.294</u>	<u>(6.275.048.445)</u>	<u>6.731.170.521</u>

(*) Đại hội cổ đông bất thường dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 09/09/2022 đã thông qua việc điều chỉnh giảm vốn điều lệ đã đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (26.100.000.000 đồng) thành vốn thực góp (12.869.840.000 đồng). Ngày 13/01/2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có văn bản số 206/UBCK-GSDC gửi Công ty đề nghị liên hệ với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh để đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ. Hiện nay, Công ty đã có văn bản số 07/2023/SAPCO ngày 24/02/2023 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh để được hướng dẫn thủ tục điều chỉnh giảm vốn theo số thực góp

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	4.151.700.000	4.151.700.000
Vốn góp của các cổ đông khác	8.718.140.000	8.718.140.000
Cộng	12.869.840.000	12.869.840.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu phổ thông	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu phổ thông	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	(5.968.473.449)	(5.374.393.161)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	(306.574.996)	(594.080.288)
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	(6.275.048.445)	(5.968.473.449)

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Vật tư nhận gia công	Đơn vị tính	31/12/2022	01/01/2022
Giấy in các loại	Ram	283,50	3.717,05
Thùng Carton	Cái	1.226	3.282

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu hoạt động in ấn	5.429.787.752	4.802.265.490
Doanh thu khác	2.307.925.880	2.023.228.445
Cộng	7.737.713.632	6.825.493.935

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn hoạt động in ấn	5.746.383.646	4.543.306.579
Giá vốn khác	307.714.525	340.403.152
Cộng	6.054.098.171	4.883.709.731

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi	28.495.101	1.661.000
Cộng	28.495.101	1.661.000

23. Chi phí tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí lãi vay	88.568.634	71.885.372
Cộng	88.568.634	71.885.372

24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2022	Năm 2021
Cước vận chuyển	199.952.378	198.810.390
Các khoản khác	8.868.000	4.864.000
Cộng	208.820.378	203.674.390

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nhân viên quản lý	1.057.872.205	1.064.105.253
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.135.580	35.135.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	148.632.068	154.580.378
Các khoản khác	587.478.227	603.772.637
Cộng	1.829.118.080	1.857.593.848

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Thu nhập khác

	Năm 2022	Năm 2021
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	-	192.683.636
Thu nhập từ tiết kiệm nguyên vật liệu nhận gia công	107.929.451	-
Thu nhập khác	24.570	368.000
Cộng	107.954.021	193.051.636

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(306.574.996)	(594.080.288)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	306.574.996	398.464.090
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không được trừ)	394.358.030	398.464.090
- Điều chỉnh giảm (Chuyển lỗ)	87.783.034	-
Tổng thu nhập chịu thuế	-	(195.616.198)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

27. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(306.574.996)	(594.080.288)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(306.574.996)	(594.080.288)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.286.984	1.286.984
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	(238)	(462)

28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	626.964.931	718.544.155
Chi phí nhân công	4.271.201.630	3.805.114.763
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.135.580	35.135.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.533.270.569	1.198.458.963
Chi phí khác bằng tiền	1.101.629.187	1.081.597.610
Cộng	7.568.201.897	6.838.851.071

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là dịch vụ in ấn và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

30. Cam kết khác

Dự án xây dựng công trình Nhà máy in Sách giáo khoa

Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 57/HĐHTKD ngày 08/07/2008 giữa Công ty (Bên A) với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp. Hồ Chí Minh (NXBGD tại Tp.HCM (Bên B)), hai bên hợp tác góp vốn đầu tư xây dựng công trình Nhà máy in Sách giáo khoa TP. Hồ Chí Minh tại Lô số B1, đường K1, Khu công nghiệp Cát Lái Cụm II – Giai đoạn 2.

Theo đó, Công ty sẽ góp vốn bằng toàn bộ khu đất diện tích 10.000 m² tại KCN Cát Lái và NXBGD tại TP.HCM góp vốn bằng toàn bộ chi phí xây dựng trên diện tích đất nêu trên. Kết quả kinh doanh được phân chia trên cơ sở kết quả lợi nhuận hoặc lỗ và rủi ro theo tỷ lệ 60% cho Công ty và 40% cho NXBGD tại TP.HCM. Thời gian tính phân chia kết quả kinh doanh là 20 năm kể từ khi công trình được đưa vào khai thác sử dụng.

Tuy nhiên, việc đầu tư xây dựng công trình Nhà máy in Sách giáo khoa nêu trên đã chậm trễ và kéo dài trong nhiều năm qua do sự cố ngoài ý muốn.

Do việc triển khai dự án này quá chậm nên hai bên tham gia liên doanh thống nhất thanh lý trước hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh số 57/HĐHTKD ngày 08/07/2008 với các nội dung chính như sau:

- Chi phí đầu tư xây dựng là 1.186.677.683 đồng thuộc về trách nhiệm của NXBGD tại TP.HCM theo cam kết ban đầu (trong đó chi phí xây dựng tường rào của dự án là 1.063.949.681 đồng, chi phí thiết kế là 122.728.002 đồng). Tính đến thời điểm 31/12/2013, NXBGD tại TP.HCM đã chuyển cho Công ty số tiền là 1.186.677.683 đồng.
- Số tiền NXBGD tại TP.HCM đã đầu tư vào dự án là 1.186.677.683 đồng được thống nhất bảo lưu; “Bên A có trách nhiệm chuyển nhượng lại Dự án và hoàn lại cho Bên B sau khi Dự án được triển khai tiếp tục”.

Hiện nay, Công ty đang tạm dừng thực hiện dự án xây dựng công trình Nhà máy in sách giáo khoa do chưa có kinh phí.

Liên quan đến quyền thuê đất tại Lô số B1, đường K1, Khu công nghiệp Cát Lái Cụm II – Giai đoạn 2:

Ngày 05/10/2006, Công ty Quản lý và Phát triển nhà Q2 KCN Cát Lái 2 và Công ty đã ký hợp đồng cho thuê lại đất số 01/HĐTĐ-KCN tại Lô số B1, đường K1 trong KCN Cát Lái Cụm II – Giai đoạn 2; mục đích thuê: để xây dựng văn phòng nhà xưởng sản xuất; diện tích thuê 10.000 m². Thời gian thuê 47 năm kể từ ngày ký biên bản bàn giao cột mốc (17/01/2006 đến ngày 17/01/2053). Theo thỏa thuận tại hợp đồng 01/HĐTĐ-KCN thì đơn giá thuê là 17.021,3 USD/10.000m²/năm (ổn định trong suốt thời gian thuê 47 năm), tổng giá trị tiền thuê đất phải trả (đã bao gồm thuế GTGT) là 880.000 USD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong khi Công ty đã hoàn thành việc thanh toán 11.762.060.000 đồng (tương đương 655.000 USD theo tỷ giá tại các thời điểm thanh toán tương ứng) thì Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2 đề nghị điều chỉnh đơn giá và diện tích cho thuê. Cho đến thời điểm hiện nay, hai bên vẫn đang làm việc để thống nhất các nội dung này.

Theo kế hoạch đề ra Công ty sẽ tiếp tục triển khai các công tác thực hiện dự án ngay sau khi thống nhất số tiền còn phải thanh toán còn lại và hoàn tất việc huy động vốn thực hiện dự án. Công ty đang tạm thời sử dụng lô đất này để cho thuê lại.

31. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá hàng hóa, nguyên vật liệu ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời. Do đó, Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	263.400.557	-	263.400.557
Chi phí phải trả	275.679.564	-	275.679.564
Vay và nợ thuê tài chính	998.568.036	-	998.568.036
Phải trả khác	67.271.676	1.658.677.683	1.725.949.359
Cộng	1.604.919.833	1.658.677.683	3.263.597.516

01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	359.284.701	-	359.284.701
Chi phí phải trả	247.666.303	-	247.666.303
Vay và nợ thuê tài chính	993.383.851	-	993.383.851
Phải trả khác	34.296.492	1.336.677.683	1.370.974.175
Cộng	1.634.631.347	1.336.677.683	2.971.309.030

Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản nhưng tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.423.091.876	-	1.423.091.876
Phải thu khách hàng	5.340.413	-	5.340.413
Cộng	1.428.432.289	-	1.428.432.289
01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	571.981.259	-	571.981.259
Phải thu khách hàng	541.363.143	-	541.363.143
Cộng	1.113.344.402	-	1.113.344.402

32. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch		Năm 2022	Năm 2021
Bán hàng			
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ in ấn	4.602.029.892	3.875.583.508
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Dịch vụ in ấn	1.105.725.132	775.458.674

c. Thu nhập của các thành viên chủ chốt

ĐHĐCĐ thường niên ngày 22/04/2022 đã thông qua mức thù lao năm 2022 của HĐQT và BKS lần lượt là 7% và 2% Lợi nhuận sau thuế. Công ty không trích thù lao HĐQT và Ban kiểm soát do kết quả kinh doanh năm nay lỗ.

Bên liên quan		Năm 2022	Năm 2021
Ông Lâm Drachan	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/4/2022)	Lương, thưởng 149.119.231	-
Ông Huỳnh Nhân Quý	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 22/4/2022)	Lương, thưởng 80.747.692	168.923.077
Bà Nguyễn Thị Ngọc Cúc	Kế toán trưởng	Lương, thưởng 208.702.176	183.634.890

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

34. Số liệu so sánh

Là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi



Giám đốc

Lâm Drachan

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Cúc